

Bản án số: 22/2021/HS-ST

Ngày: 18/5/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY – TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trương Thị Nhân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Mậu Hiệu

Bà Trương Thị Xê

- Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Diệu Linh, Thư ký Toà án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện VKSND huyện Lệ Thủy tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoa, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 18/2021/TLST-HS ngày 01/4/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2021/QĐXXST-HS ngày 04/5/2021, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh ngày 28/11/1992 tại huyện L, tỉnh Quảng Bình, nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn C, xã M, huyện L, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; không tôn giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn T, sinh năm 1954 (đã chết) và bà: Phạm Thị L sinh năm 1944; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01/02/2021 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

+ Vợ chồng chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1978, anh Lê Văn Q, sinh năm 1972, cùng địa chỉ: Thôn C, xã M, huyện L, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Nguyễn Đức A, sinh năm 1979 và chị Hoàng Thị H, sinh năm 1979, cùng địa chỉ: Đội 2, thôn Lê X, xã M, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt;

+ Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1964 và chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1973, cùng địa chỉ: Đội 2, thôn L, xã M, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

+ Anh Trương Việt H, sinh năm 1985, địa chỉ: Xóm 4 thôn X, xã M, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt;

- Người làm chứng:

+ Bà Phạm Thị L, sinh năm 1944, địa chỉ: Đội 1 thôn C, xã M, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt;

+ Anh Phan Đình L, sinh năm 1973, địa chỉ: Đội 1, thôn C, xã M, huyện L, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 15 giờ 15 phút ngày 15/11/2020, Nguyễn Văn T lợi dụng lúc mẹ đẻ là bà Phạm Thị L vắng nhà, đã bắt trộm 02 con lợn của vợ chồng anh Lê Văn Q, chị Nguyễn Thị T (chị T là chị ruột của T) đang nuôi tại chuồng lợn của bà L. T bỏ hai con lợn vào lồng sắt rồi dùng xe máy biển kiểm soát 73AG- 016.83 của bà L chở đến nhà anh Trương Việt H ở thôn X, xã M, huyện L, tỉnh Quảng Bình để hỏi bán lợn, anh H đã liên lạc với anh Nguyễn Đức A. Sau đó anh A và anh N cùng vợ là chị Hoàng Thị H và chị Nguyễn Thị T đến để mua. Hai bên bàn bạc và thống nhất giá 02 con lợn là 2.700.000 đồng. Trong đó, vợ chồng chị H, anh A mua một con lợn với giá 1.100.000 đồng; vợ chồng chị T, anh N mua một con lợn với giá 1.600.000 đồng. Số tiền bán được, T cho anh A và anh H 200.000 đồng, còn lại 2.500.000 đồng, T tiêu xài hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 54/KL-HĐĐG ngày 26/11/2020, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Lệ Thủy kết luận: Hai con lợn mà T trộm cắp có giá là 3.300.000 đồng.

Về vật chứng: Ngày 23/11/2020, Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện Lệ Thủy tạm giữ hai con lợn (có đặc điểm như biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu) và đã trả lại cho chủ sở hữu vào ngày 03/12/2020.

Về dân sự: Bị hại anh Lê Văn Q, chị Nguyễn Thị T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vợ chồng chị Hoàng Thị H yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền 1.100.000 đồng; vợ chồng chị Nguyễn Thị T yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền 1.600.000 đồng. Bị cáo chưa hoàn trả.

Tại bản cáo trạng số: 20/CT-VKSNDLT ngày 01/4/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thủy truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về Tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Qua tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 đến 18 tháng; vật chứng, Cơ quan Điều tra đã xử lý; trách nhiệm dân sự, đề nghị áp dụng Điều 46, Điều 48 của Bộ luật Hình sự, xử buộc bị cáo phải trả lại cho vợ chồng chị Hoàng Thị H và anh Nguyễn Đức A 1.100.000 đồng; trả lại cho vợ chồng chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn N 1.600.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Lệ Thủy, Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thủy và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình

tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và người tham gia tố tụng không ai có ý kiến khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2]. Chứng cứ xác định có tội và điều luật áp dụng:

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận tất cả hành vi phạm tội của mình như đã khai tại cơ quan điều tra. Bị cáo khai khoảng 15 giờ 15 phút ngày 15/11/2020, bị cáo đã lợi dụng lúc mẹ vắng nhà đã trộm cắp 02 con lợn của chị Nguyễn Thị T là chị gái của T nuôi nhờ chuồng của nhà mẹ, đưa đi bán để kiếm tiền tiêu xài cá nhân. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của các bị hại, người liên quan cũng như các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án do cơ quan điều tra đã thu thập, đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Nguyễn Văn T đã có hành vi lén lút trộm cắp tài sản là 02 con lợn của chị Nguyễn Thị T có giá trị 3.300.000 đồng. Hành vi đó đã đủ yếu tố cấu thành Tội trộm cắp tài sản được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lê Thủy là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác; gây mất trật tự trị an trên địa bàn, gây hoang mang lo lắng cho nhân dân. Do đó, cần phải có một mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, mới có tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4]. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình nghiên cứu toàn bộ nội dung vụ án cũng như xét hỏi công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy, bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt, thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật, đồng thời xem xét về nhân thân của người phạm tội: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng và có khả năng tự cải tạo tốt nên chưa cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cần giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo thường trú để giám sát, giáo dục là vừa phải, tạo điều kiện cho bị cáo tự tu dưỡng và rèn luyện bản thân trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội là phù hợp với Điều 65 của Bộ luật Hình sự và cũng phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Trong vụ án này, anh Trương Việt H là người giới thiệu cho vợ chồng chị Hoàng Thị H anh Nguyễn Đức A và vợ chồng chị Nguyễn Thị T anh Nguyễn Văn N mua lợn của T nhưng những người này không biết đây là tài sản do T trộm cắp mà có nên không phạm tội; bà Phạm Thị L không biết việc Nguyễn Văn T sử dụng

xe máy của mình để chở tài sản trộm cắp được đi bán, Cơ quan Điều tra không tạm giữ đối với xe máy biển kiểm soát 73AG-016.83 của bà L.

[5]. Vật chứng: Các vật chứng đã thu giữ, Cơ quan Điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu, Hội đồng xét xử không xem xét;

[6]. Về dân sự: Bị hại vợ chồng chị T, anh Q đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, vợ chồng chị H, anh A yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền mua lợn 1.100.000 đồng; vợ chồng chị T, anh N yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền mua lợn 1.600.000 đồng, đây là số tiền mà bị cáo bán lợn trộm được cho vợ chồng chị H và vợ chồng chị T mà những người này không biết đó là tài sản do trộm cắp mà có nên cần buộc bị cáo phải hoàn trả theo yêu cầu là phù hợp với Điều 46, Điều 48 của Bộ luật Hình sự.

[7]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

[8]. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Điều 46, Điều 48 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm Tội trộm cắp tài sản.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (18/5/2021).

Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Luật Thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải trả lại cho vợ chồng chị Hoàng Thị H, anh Nguyễn Đức A số tiền 1.100.000 đồng; trả lại cho vợ chồng chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Văn N số tiền 1.600.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (18/5/2021), bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- VKSND h. Lệ Thủy;
- VKSND t. Quảng Bình;
- TAND t. Quảng Bình;
- Chi cục THADS h. Lệ Thủy;
- Công an h. Lệ Thủy
- Sở Tư pháp t.Quảng Bình;
- Bộ phận THAHS
- Lưu HS,VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trương Thị Nhàn